

Bản tin Phân tích kỹ thuật

06/10/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 41I1FA000 lấy lại tín hiệu tăng giá với đà tăng vượt trội đến cuối ngày khi đóng cửa trên các đường MA10, MA20, MA50 và quanh vùng giá cao. (M15)
- Dự báo hợp đồng này sẽ tiếp tục quán tính tăng giá với mục tiêu là vùng 1.930 điểm, vị thế mua có thể mở và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1.906 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (L): 1.915 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.933 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.906 điểm

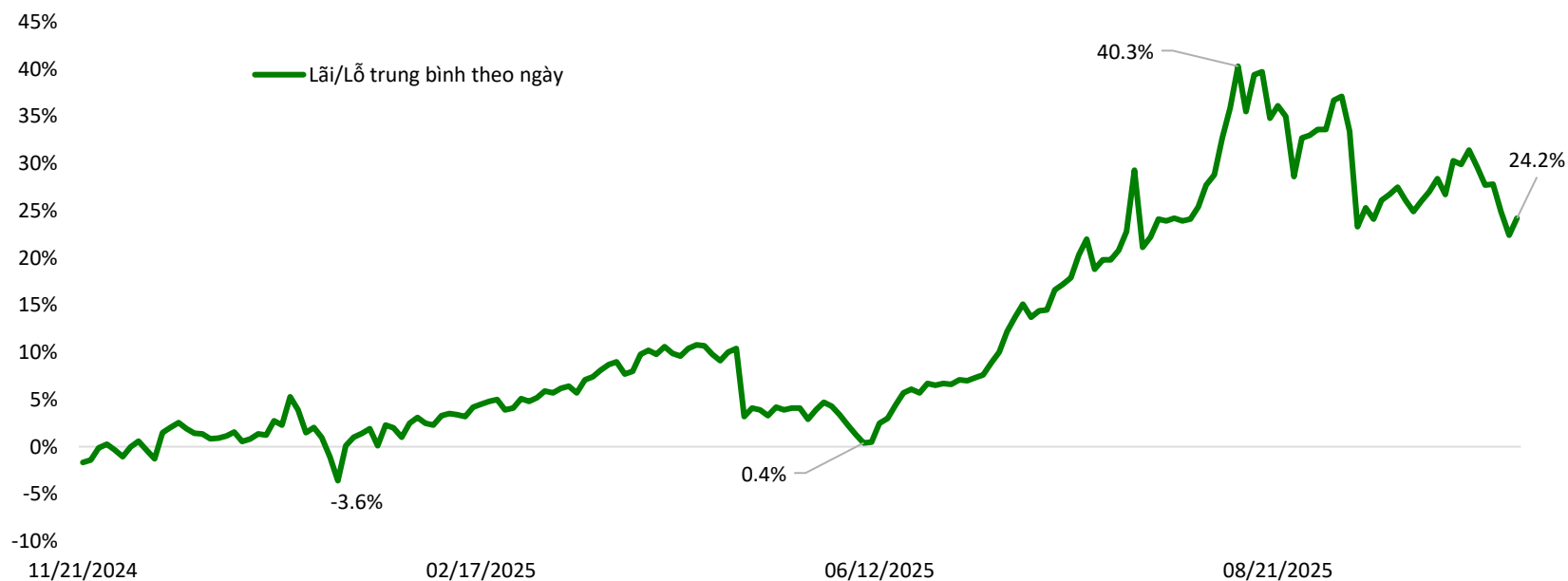
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index ghi nhận biên độ tăng cao, cải thiện tín hiệu lên mức Tích cực trong ngắn và trung hạn. Chỉ số VN30 vượt vùng đỉnh 1.900 điểm và đóng cửa ở mức giá cao nhất ngày cho thấy sự lấn át của hoạt động mua diện rộng trên nhóm vốn hóa lớn. Các chỉ số VNMidcap và HNX cũng có tín hiệu ngắn hạn nâng từ Tiêu cực lên mức Trung tính, chỉ số VNSmallcap vẫn giữ tín hiệu Tiêu cực bởi hoạt động tăng giá trong ngày chưa đổi trọng cấu trúc điều chỉnh trước đó.
- Sự đảo chiều xu hướng (Tiêu cực -> Tích cực) trên diện rộng xuất hiện ở nhóm Ngân hàng và Chứng khoán, hoạt động tăng giá trên phần lớn cổ phiếu thành phần ở các nhóm ngành còn lại vẫn chưa đủ để cải thiện tín hiệu ngắn và trung hạn. Hoạt động mua trong phiên 06/10 tập trung phần lớn ở nhóm Ngân hàng và Chứng khoán.
- Dựa trên mức tăng ở phiên 06/10, nhịp tăng của chỉ số VN-Index sẽ rơi vào biên độ 1.710-1.735 điểm trong ngày mai, với hỗ trợ trong ngày là vùng 1.685 điểm. Đối với giao dịch ngắn hạn, vị thế mua mới nên được giảm thiểu và vị thế đang có nên cân nhắc chốt lãi một phần khi chỉ số dần tiếp cận vùng 1.735 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
HPG	25/09/2025		Đang mở	29,200	29,050	0.5%	27,600			



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCB	64,000	3.73%	2.98%	534,763	4.406	4,148	2.5	15.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	31,550	6.95%	1.45%	250,315	3.844	2,193	1.7	14.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
HPG	29,200	5.61%	2.10%	224,124	2.777	1,750	1.8	16.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIC	179,700	1.81%	3.99%	692,387	2.774	3,487	4.8	51.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	102,700	2.70%	0.79%	421,831	2.517	6,984	2.0	14.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
CTG	52,400	3.15%	2.75%	281,388	1.959	5,608	1.7	9.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	39,400	2.74%	4.37%	279,198	1.689	3,017	1.8	13.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	40,750	2.39%	1.12%	286,120	1.509	3,683	1.8	11.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	27,350	3.01%	4.59%	220,304	1.467	3,046	1.8	9.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ACB	26,800	4.48%	4.69%	137,662	1.364	3,305	1.6	8.1	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
SSI	40,250	6.91%	7.19%	83,556	1.275	1,568	2.9	25.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
STB	59,800	4.91%	5.65%	112,736	1.224	6,148	1.9	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	35,000	6.87%	16.67%	79,531	1.208	1,937	1.8	18.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	31,500	4.30%	1.94%	110,094	1.047	4,094	1.8	7.7	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MSN	83,000	3.75%	1.47%	120,011	0.995	1,861	3.7	44.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SHS	26,700	9.88%	5.53%	23,882	1.694	1,148	2.1	23.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MBS	35,600	8.87%	8.54%	23,450	1.493	1,499	3.2	23.7	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
KSF	87,600	1.51%	-0.45%	78,821	0.853	707	16.3	123.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
CEO	25,400	8.09%	-3.05%	14,412	0.837	354	2.4	71.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
NVB	15,200	5.56%	4.83%	17,854	0.712	-5,056	2.7	-3.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	17,200	3.61%	-4.97%	18,375	0.477	176	2.1	98.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	32,300	2.54%	-4.15%	15,438	0.282	2,644	1.1	12.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IPA	21,700	7.96%	7.43%	4,640	0.265	1,729	1.1	12.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	38,600	2.12%	-1.78%	14,649	0.223	3,977	2.6	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	63,900	2.73%	3.06%	10,929	0.214	5,384	2.9	11.9	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	69,200	2.82%	-0.14%	208,337	0.052	1,913	5.6	35.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	55,900	1.64%	-2.78%	199,163	0.029	2,751	3.1	20.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSH	82,000	-8.28%	4.86%	28,887	-0.021	633	5.1	121.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	129,700	1.33%	-0.54%	135,895	0.016	9,005	8.1	14.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	23,700	4.41%	-0.84%	25,662	0.010	-707	2.2	-33.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	64,900	1.41%	0.62%	47,771	0.006	4,151	5.0	15.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SNZ	37,000	4.23%	1.93%	13,737	0.005	3,199	1.9	11.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VEA	39,800	1.02%	1.02%	52,655	0.005	5,656	1.8	7.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
MVN	51,800	-0.77%	-2.26%	62,623	-0.004	1,312	4.8	39.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
AIG	45,000	4.65%	1.58%	7,668	0.003	4,398	1.4	10.2	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực

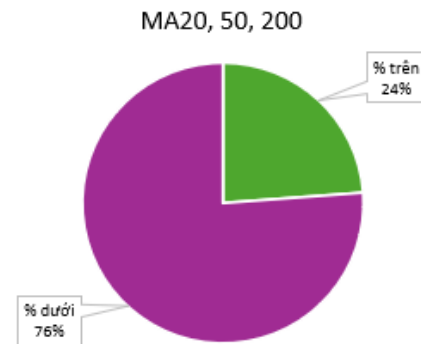
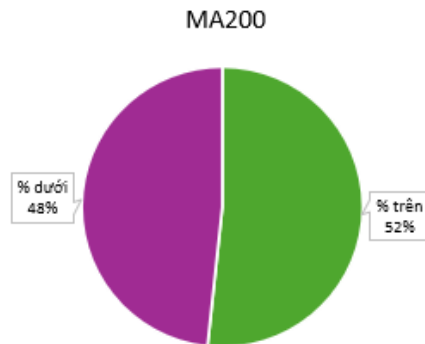
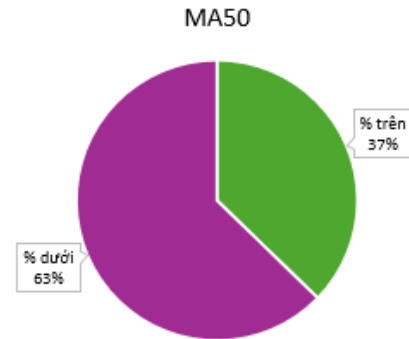
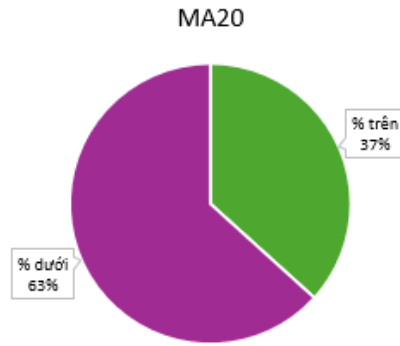
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	179,700	1.8%	430.2	433.0	39,900	176,500	4.8	51.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	35,000	6.9%	561.1	201.2	16,100	33,150	1.8	18.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ANV	31,600	2.4%	83.9	114.1	12,400	30,850	2.6	16.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHS	18,950	6.2%	126.4	106.1	6,940	18,900	0.9	1.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	35,500	0.3%	19.6	23.1	17,900	35,400	2.1	18.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TVC	11,400	5.6%	12.8	7.8	6,900	11,300	0.8	10.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
TNI	7,220	7.0%	10.5	4.1	1,780	6,860	0.8	-19.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BCG	2,610	-6.8%	20.4	19.2	2,800	6,700	0.2	4.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SGR	20,800	-3.5%	22.6	14.0	21,550	43,800	1.0	7.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BCR	1,600	-5.9%	16.7	1.8	1,600	5,800	0.1	2.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TVS	18,850	5.6%	8.3	9.0	13,527	21,368	1.6	12.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VAB	11,750	1.7%	24.9	10.9	5,820	14,200	1.0	9.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DSE	30,850	6.9%	62.2	39.7	19,050	33,850	2.5	50.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			06/10/2025	03/10/2025	02/10/2025	01/10/2025	30/09/2025	29/09/2025	26/09/2025	25/09/2025	24/09/2025	23/09/2025	22/09/2025	19/09/2025	18/09/2025	17/09/2025	16/09/2025	15/09/2025
VNINDEX	MA200	Trên	63%	61%	61%	64%	63%	65%	66%	67%	67%	65%	66%	68%	68%	69%	70%	69%
		Dưới	37%	39%	39%	36%	37%	35%	34%	33%	33%	35%	34%	32%	32%	31%	30%	31%
	MA50	Trên	39%	31%	34%	41%	40%	46%	50%	51%	50%	47%	48%	54%	55%	59%	61%	64%
		Dưới	61%	69%	66%	59%	60%	54%	50%	49%	50%	53%	52%	46%	45%	41%	39%	36%
	MA20	Trên	37%	22%	24%	28%	27%	33%	38%	43%	38%	35%	35%	45%	45%	49%	52%	55%
		Dưới	63%	78%	76%	72%	73%	67%	62%	57%	62%	65%	65%	55%	55%	51%	48%	45%
VN30	MA200	Trên	77%	73%	77%	77%	77%	77%	80%	80%	77%	77%	80%	83%	83%	83%	83%	87%
		Dưới	23%	27%	23%	23%	23%	23%	20%	20%	23%	23%	20%	17%	17%	17%	17%	13%
	MA50	Trên	67%	33%	50%	60%	50%	57%	60%	63%	67%	60%	57%	67%	77%	80%	80%	77%
		Dưới	33%	67%	50%	40%	50%	43%	40%	37%	33%	40%	43%	33%	23%	20%	20%	23%
	MA20	Trên	70%	20%	27%	27%	27%	17%	13%	17%	20%	20%	10%	30%	47%	53%	63%	60%
		Dưới	30%	80%	73%	73%	73%	83%	87%	83%	80%	80%	90%	70%	53%	47%	37%	40%
HNX	MA200	Trên	56%	54%	55%	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%	61%	62%	62%	62%
		Dưới	44%	46%	45%	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%	39%	38%	38%	38%
	MA50	Trên	41%	35%	37%	37%	40%	40%	42%	47%	43%	42%	44%	49%	51%	51%	52%	56%
		Dưới	59%	65%	63%	63%	60%	60%	58%	53%	57%	58%	56%	51%	49%	49%	48%	44%
	MA20	Trên	56%	54%	55%	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%	61%	62%	62%	62%
		Dưới	44%	46%	45%	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%	39%	38%	38%	38%
UPCOM	MA200	Trên	35%	31%	33%	34%	34%	35%	36%	34%	32%	31%	32%	36%	34%	35%	36%	38%
		Dưới	65%	69%	67%	66%	66%	65%	64%	66%	68%	69%	68%	64%	66%	65%	64%	62%
	MA50	Trên	36%	34%	36%	36%	36%	34%	34%	33%	34%	32%	34%	36%	36%	37%	38%	39%
		Dưới	64%	66%	64%	64%	64%	66%	66%	67%	66%	68%	66%	64%	64%	63%	62%	61%
	MA20	Trên	45%	44%	45%	45%	46%	45%	46%	46%	46%	45%	46%	47%	46%	46%	47%	48%
		Dưới	55%	56%	55%	55%	54%	55%	54%	54%	54%	55%	54%	53%	54%	54%	53%	52%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	17	Tháng 10										Tháng 9									
		06 +	03	02	01	30	29	26	25	24	23	22	19	18	17	16	15	12	11	10	09
1	Ngân hàng	65	59	59	58	58	57	63	64	61	54	54	67	70	72	74	73	76	77	76	77
2	Tài nguyên Cơ bản	58	57	55	58	64	68	71	73	72	69	69	69	70	72	73	71	66	65	66	67
3	Thực phẩm và đồ uống	57	53	56	55	52	52	59	60	59	56	58	60	62	65	67	63	61	59	58	59
4	Xây dựng và Vật liệu	56	56	59	62	66	70	75	74	67	61	60	55	55	56	65	62	57	55	55	57
5	Y tế	56	56	58	63	63	66	67	70	67	62	60	60	61	62	64	62	56	54	49	50
6	Bất động sản	55	54	59	64	68	69	72	70	67	65	63	63	64	67	72	71	73	72	73	75
7	Dịch vụ tài chính	51	44	49	50	48	48	60	61	57	51	54	60	62	64	65	67	68	69	70	70
8	Bảo hiểm	51	52	54	59	54	52	50	44	43	44	47	50	53	56	58	59	67	65	64	70
9	Điện, nước & xăng dầu	45	45	48	50	50	52	55	56	54	57	56	57	55	56	57	50	52	48	49	50
10	Hàng & Dịch vụ Consumer	45	41	42	43	45	43	52	51	48	47	48	49	49	50	53	53	50	50	50	52
11	Bán lẻ	42	37	39	42	40	43	51	55	51	47	54	50	55	59	58	54	47	45	45	45
12	Du lịch và Giải trí	40	38	47	47	45	43	44	44	44	46	46	51	45	48	47	49	45	45	48	45
13	Ô tô và phụ tùng	38	38	40	39	40	42	48	49	47	45	46	50	51	52	57	52	51	47	49	49
14	Hóa chất	34	34	38	38	40	43	48	49	44	43	42	46	46	48	52	48	42	38	38	39
15	Dầu khí	31	33	35	35	44	48	51	49	46	43	42	46	53	56	52	51	55	51	50	48
16	Công nghệ Thông tin	29	29	28	30	35	36	46	52	50	51	54	58	61	58	50	44	40	35	39	44
17	Hàng cá nhân & Gia đình	26	25	26	28	32	35	40	41	45	47	57	55	56	60	64	56	48	46	47	48

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	179,700	1.8%	4.0%	692,387	4.8	51.5	3,487	430.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	52,400	3.1%	2.7%	281,388	1.7	9.3	5,608	498.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	39,400	2.7%	4.4%	279,198	1.8	13.1	3,017	902.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	51,800	-1.3%	8.4%	154,741	3.8	15.6	3,324	212.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACB	26,800	4.5%	4.7%	137,662	1.6	8.1	3,305	534.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
STB	59,800	4.9%	5.7%	112,736	1.9	9.7	6,148	602.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	35,000	6.9%	16.7%	79,531	1.8	18.1	1,937	561.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OCB	13,250	2.7%	3.5%	35,285	1.1	11.7	1,130	80.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HCM	27,850	6.9%	5.1%	30,077	3.0	23.2	1,202	514.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	23,700	4.4%	-0.8%	25,662	2.2	-33.0	-707	33.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	35,600	8.9%	8.5%	23,450	3.2	23.7	1,499	412.5	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HAG	16,700	1.2%	1.8%	21,166	2.2	13.0	1,287	325.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCH	22,700	6.1%	2.9%	19,719	2.1	20.4	1,114	154.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
ABB	12,700	2.4%	3.3%	12,998	0.9	10.2	1,228	46.7	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
BAF	35,000	1.6%	-0.7%	10,641	2.5	17.7	1,981	81.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTS	41,500	7.0%	-0.5%	8,827	3.5	22.5	1,846	117.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
CTD	83,100	0.7%	3.1%	8,429	0.9	18.2	4,565	70.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ANV	31,600	2.4%	14.1%	8,414	2.6	16.9	1,871	83.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHS	18,950	6.2%	5.3%	8,186	0.9	1.9	9,889	126.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPG	46,900	4.6%	3.1%	4,727	2.3	18.6	2,518	70.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BGE	5,000	-9.1%	-9.1%	3,504	0.5	30.7	157	6.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCG	2,610	-6.8%	-21.6%	2,297	0.2	4.9	532	20.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SGR	20,800	-3.5%	-18.8%	1,453	1.0	7.3	2,838	22.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCR	1,600	-5.9%	-11.1%	711	0.1	2.7	547	16.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	125,200	1.8%	-2.9%	21,322	7.4	39.6	3,163	39.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	32,300	2.5%	-4.2%	15,438	1.1	12.2	2,644	81.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	94,600	0.0%	-2.8%	11,521	6.9	28.5	3,317	69.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	82,800	0.5%	-5.2%	9,471	4.8	16.8	4,930	28.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	33,700	2.1%	-2.0%	6,066	1.9	17.0	1,978	13.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
QTP	13,100	0.0%	-0.8%	5,894	1.1	9.9	1,320	7.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPR	37,000	1.0%	-3.1%	3,215	1.3	12.6	2,932	9.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	34,600	1.2%	-2.5%	2,336	1.8	32.5	1,065	6.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	29,600	0.2%	-1.3%	3,316	1.4	11.0	2,693	37.5	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	55,900	1.6%	-2.8%	199,163	3.1	20.2	2,751	28.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	95,500	2.2%	0.0%	162,685	4.9	18.8	5,092	625.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	60,800	1.2%	-1.1%	146,707	2.2	12.2	5,002	25.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	27,550	3.2%	-2.5%	110,200	2.0	20.7	1,331	63.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	34,150	2.1%	-1.7%	43,391	1.7	20.6	1,661	31.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	92,800	1.4%	-1.3%	35,243	2.4	11.4	8,175	109.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	38,600	2.1%	-1.8%	14,649	2.6	9.7	3,977	39.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NLG	39,500	5.76%	-5.50%	58,600	56.9%	1,709	1.6	23.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
IDC	38,600	2.12%	-1.78%	56,100	48.4%	3,977	2.6	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	33,000	3.94%	-3.65%	47,100	48.3%	716	2.1	46.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHC	55,600	0.91%	0.18%	81,700	48.3%	6,444	1.3	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	34,150	2.09%	-1.73%	47,800	42.9%	1,661	1.7	20.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	92,800	1.42%	-1.28%	126,000	37.7%	8,175	2.4	11.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	55,800	3.53%	-0.36%	73,900	37.1%	5,215	2.9	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	55,900	1.64%	-2.78%	74,300	35.1%	2,751	3.1	20.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	125,200	1.79%	-2.87%	165,300	34.4%	3,163	7.4	39.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	36,350	4.15%	-3.58%	46,600	33.5%	3,186	1.9	11.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NVL	15,800	4.64%	1.28%	20,000	32.5%	85	0.8	186.1	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVS	32,300	2.54%	-4.15%	41,600	32.1%	2,644	1.1	12.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	95,500	2.25%	0.00%	121,200	29.8%	5,092	4.9	18.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	21,250	5.99%	-2.75%	26,000	29.7%	350	1.8	60.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SZC	33,700	2.12%	-2.03%	42,400	28.5%	1,978	1.9	17.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	34,600	1.17%	-2.54%	43,900	28.4%	1,065	1.8	32.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	25,300	4.33%	-1.56%	31,100	28.2%	1,189	1.6	21.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HPG	29,200	5.61%	2.10%	35,300	27.7%	1,750	1.8	16.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PNJ	84,200	1.45%	0.84%	105,900	27.6%	6,115	2.4	13.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	46,150	1.32%	1.43%	58,000	27.3%	3,185	2.8	14.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn